TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 15/9/2017.
V/v ly hôn giữa chị L và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lã Thị Khuy.

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Ông Lưu Danh Sử.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Trần Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2017/TLST-HNGĐ ngày 12/6/2017 về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2017/QĐXX-ST ngày 16/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2017/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn S, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Chị L có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh Trương Anh T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn S, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Anh T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn ngày 08/6/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày: Tôi và anh Trương Anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có Đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã Q ngày 06/10/2011. Sau khi tổ chức lễ cưới, vợ chồng tôi chung sống cùng với bố mẹ anh T tại thôn S, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình, đến đầu năm 2015 anh T vào miền Nam làm ăn, tháng 10/2015 thì mẹ con tôi cùng vào miền Nam làm ăn sinh sống với anh T được hơn 01 tháng thì vợ chồng tôi bàn nhau để anh T về quê mua đất, nhằm mục đích sau này gia đình tôi trở về quê làm nhà ở, nhưng thực tế anh T không mua được đất và anh T không quay vào miền

Nam sinh sống cùng mẹ con tôi nữa. Mâu thuẫn vợ chồng tôi cũng bắt đầu phát sinh và ngày càng căng thẳng. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tôi bất đồng quan điểm trong mọi việc ngoài ra anh T luôn nghi ngờ tôi có quan hệ bất chính với người khác, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trương Tường L, sinh ngày 25/6/2014 và cháu Trương Thị Kiều T, sinh ngày 17/10/2012. Hiện nay cháu T đang ở với tôi, còn cháu L đang ở với anh T. Chúng tôi đã thỏa thuận mỗi người nuôi một cháu cụ thể tôi nuôi cháu T, còn anh T nuôi cháu L, không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chúng tôi đã thỏa thuận anh T được quyền sở hữu 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha là tài sản chung của vợ chồng, hiện nay anh T đang quản lý, tôi không yêu cầu anh T phải thanh toán chênh lệch tài sản cho tôi.

Về công nợ chung: Không có nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quyền sử dụng đất canh tác chung: Tiêu chuẩn đất canh tác của tôi là 900 m^2 anh T đã trả lại cho tôi nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thu thập chứng cứ vụ án anh Trương Anh T trình bày: Về thời điểm kết hôn, quá trình chung sống, diễn biến các quan hệ về tình cảm vợ chồng, con chung, tài sản chung, công nợ chung phát sinh trong quá trình kết hôn giữa chị L và anh T phù hợp với ý kiến trình bày của chị L. Tuy nhiên anh T xác định: Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do cô L có quan hệ ngoại tình với người khác, khoảng tháng 7/2016 họ nhắn tin cho nhau tôi đã bắt được, từ đó vợ chồng tôi mới phát sinh mâu thuẫn. Nay cô L yêu cầu ly hôn tôi hoàn toàn nhất trí vì tình cảm vợ chồng giữa tôi và cô L không còn. Về công nợ chung: Mẹ đẻ cô L còn nợ vợ chồng tôi một số tiền nhưng vì không có giấy tờ xác nhận nợ nên tôi không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

* Về thủ tục tố tụng:

Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn anh Trương Anh T sau phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải ngày 04/7/2017 thì anh T không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 2 và không tham gia phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

* Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều: 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị L và anh Trương Anh T;

- Về nuôi con chung: Giao cháu Trương Thị Kiều T, sinh ngày 17/10/2012 cho chị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Trương Tường L, sinh ngày 25/6/2014 cho anh Trương Anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung - Công nợ chung: Các bên không yêu cầu giải quyết vì không có.

Về quyền sử dụng đất canh tác chung: Chị L đã nhận lại toàn bộ diện tích đất canh tác thuộc tiêu chuẩn của chị L, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên hòa giải ngày 04/7/2017 (BL: 26, 27) chị L và anh T đã thỏa thuận: Thuận tình ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung. Riêng về quyền sử dụng đất canh tác chung thì hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng chưa giải quyết xong vì vậy Tòa án không thể lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được. Sau đó mặc dù Tòa án đã giao thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T, nhưng anh T vẫn không có mặt tại Tòa án, ngày 14/8/2017 Tòa án nhân dân huyện Nho Quan đã lập biên bản về việc không hòa giải được (BL: 32). Ngày 16/8/2017 Tòa án nhân dân huyện Nho Quan ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2017/QĐST-HNGĐ anh T đã nhận được (BL: 35), nhưng anh T vẫn không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Hoãn phiên tòa do bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, Tòa án nhân dân huyện Nho Quan đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2017/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2017 và tiếp tục triệu tập hợp lệ cho anh T (BL: 39), nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: Xét xử trong trường hợp bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T và giao bản án cho anh T hoặc niêm yết bản án theo luật định.

Về nội dung: Xét yêu cầu của chị Lê Thị L: Yêu cầu ly hôn với anh Trương Anh T, yêu cầu được tiếp tục nuôi một con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Trương Anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q ngày 06/10/2011, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn họ sống hạnh phúc với nhau cho đến khoảng tháng 7/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị L xác định là do anh T nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình với người khác; còn theo anh T xác định là do chị L có quan hệ ngoại tình với người khác, chị L và người đó đã nhắn tin cho nhau bản thân anh phát hiện được. Cho dù nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị L xác định hay như anh T xác định thì hai bên đều thừa nhận: Kể từ đó chị L và anh T thường xuyên cãi chửi và có lần đã đánh nhau, khoảng tháng 5/2017 thì họ sống ly thân. Nay chị L xin ly hôn, anh T

hoàn toàn nhất trí vì anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị L không còn. Xét thấy: Ý kiến của chị L và anh T về những biểu hiện của mâu thuẫn vợ chồng chị L, anh T phù hợp với kết quả xác minh tại UBND xã Q (BL: 21, 22) có đủ chứng cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã thực sự sâu sắc, đời sống chung của họ đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc thuận tình ly hôn của họ là phù hợp với thực trạng tình cảm vợ chồng giữa họ. Tuy nhiên anh T vắng mặt tại phiên tòa vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị L, anh T có 02 con chung là cháu Trương Tường L, sinh ngày 25/6/2014 và cháu Trương Thị Kiều T, sinh ngày 17/10/2012. Hiện nay cháu T đang ở với chị L, còn cháu L đang ở với anh T. Tại biên bản hòa giải ngày 04/7/2017 (BL: 26, 27) chị L và anh T đã thỏa thuận: Chị L tiếp tục nuôi cháu L, còn anh T tiếp tục nuôi cháu Th, không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kết quả xác minh tại UBND xã Q (BL: 21. 22) thể hiện các cháu đang được chị L và anh T chăm sóc rất chu đáo, các bên đương sự không ai có vi phạm quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ đối với các con chung. Sự thỏa thuận của chị L và anh T là hoàn toàn phù hợp với thực tế. Tuy nhiên anh T vắng mặt tại phiên tòa vì vậy cần giao cho chị L, anh T mỗi người nuôi một con chung phù hợp với sự thỏa thuận của họ là thỏa đáng.

Về tài sản chung - Công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vì không có nên không phải đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Về quyền sử dụng đất canh tác chung: Chị L, anh T đã giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0000485 ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Cơ quan thi hành án dân sự. Như vậy chị L không phải nộp tiền án phí nữa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 5, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Các điều: 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị L và anh Trương Anh T;

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trương Thị Kiều T, sinh ngày 17/10/2012 cho chị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Trương Tường L, sinh ngày 25/6/2014

cho anh Trương Anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung - Công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vì không có.

4. Về quyền sử dụng đất canh tác chung: Hai bên đã giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0000485 ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Cơ quan thi hành án dân sự. Như vậy chị L không phải nộp tiền án phí nữa.

6. Án xử công khai sơ thẩm, chị Lê Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Trương Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo luật định./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Q;
- Lưu HS./.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

LÃ THỊ KHUY